

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 6- 2017

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Ông Nguyễn Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp H, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 169 ấp P, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C trình bày là vào năm 2014 chị C và anh Lê Văn D có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau, đến ngày 07/5/2015 chị C và anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chị C và anh D chung sống hạnh phúc đến tháng 11a/2016 thì phát sinh mâu thuẫn và xa nhau từ tháng 02a/2017 đến nay, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, có lần đánh nhau gây thương tích, do vậy chị C xin ly hôn anh D; về nuôi con chung: Thời gian chung sống chị C và anh D có sinh được 01 con chung tên là Lê Thị Huỳnh H, sinh ngày 24/3/2015, hiện anh D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì con

chung chỉ 25 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của chị C, anh D không có nghề nghiệp ổn định, chị C có thu nhập bình quân khoảng 4.700.000đ một tháng, chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản: Chị C và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị C là giấy chứng nhận kết hôn giữa anh D và chị C, trích lục khai sinh của cháu Lê Thị Huỳnh H.

Tại bản trình bày ý kiến của đương sự ngày 29/5/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Lê Văn D trình bày là anh D thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng xa nhau và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, nay anh D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C; về nuôi con chung: Anh D thống nhất vợ chồng có 01 con chung như chị C trình bày, nhưng anh D không đồng ý để chị C trực tiếp nuôi dưỡng con vì cho rằng chị C không biết cách chăm sóc con và chị C hiện đang làm công nhân nên không có thời gian chăm sóc con, mà anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản: Anh D và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có; tài liệu, chứng cứ của bị đơn: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Kim C khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Lê Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh D cư trú tại số nhà 169 ấp P, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết vụ án dân sự trên là đúng theo quy định tại Điều 35 và 59 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Văn D có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là thật, đã được các đương sự thừa nhận và có giấy chứng nhận kết hôn số 068/2015 ngày 07/5/2015 để chứng minh.

[3] Do không tình cảm với anh D nên chị C xin ly hôn anh D, anh D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Xét thấy sự tự nguyện ly hôn giữa chị C và anh D phù hợp với căn cứ thuận tình ly hôn quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Văn D.

[4] Về nuôi con chung: Khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Huỳnh H, sinh ngày 24/3/2015. Anh D không đồng ý để chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu H đúng là con chung giữa chị C và anh D, có giấy khai sinh của cháu H để chứng minh. Từ ngày chị C và anh D xa nhau đến nay thì anh D là người nuôi dưỡng con chung, nhưng không phải chị C từ chối việc nuôi con mà do khi vợ chồng mâu thuẫn và xa nhau thì anh D đưa cháu H từ tỉnh Long An về

huyện L, tỉnh Đồng Tháp nuôi dưỡng đến nay, hiện cháu H chỉ 25 tháng tuổi, lại là con gái và khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó việc giao con chung Lê Thị Huỳnh H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với những căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Từ những căn cứ trên, xét việc anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng yêu cầu của anh D không phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được chấp nhận.

Do chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn thì chị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: Chị C và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị C và anh D trình bày không có.

[7] Về án phí: Do chị C và anh D thuận tình ly hôn nên mỗi đương sự phải chịu 50% án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân;

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Văn D.

2. Về nuôi con chung;

2.1. Giao con chung Lê Thị Huỳnh H, sinh ngày 24/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng (con chung đang do anh D nuôi dưỡng).

2.2. Chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, chị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chị C và anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

5.1. Chị C phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 10430 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị C được hoàn lại tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5.2. Anh D phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn (anh D chưa nộp án phí).

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- UBND xã A.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng